

Bản án số: 159/2021/HS-ST

Ngày: 24 – 11 – 2021.

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huê.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gian phiên tòa: Ông Bùi Đức T – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 118/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐXXST-HS, ngày 10/11/2021 đối với các bị cáo:

1/ Đặng Ngọc T (tên gọi khác: Bo), sinh ngày 10/4/2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số nhà 59/69 Đường TP, Phường F, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc Tú và bà Hoàng Thị Bích Như; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

2/ Nguyễn Trung A, sinh ngày 30/12/2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số nhà 68/5B Ấp 4, xã XT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10 /12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung Bình và bà Nguyễn Hồ T2 Phương; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

3/ Lê Hoài N, sinh ngày 26/7/1999, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số nhà 114/5A, Ấp 5, xã XT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nguễn và bà Hồ Thị Nhẽo; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền

sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

4/ Nguyễn Trần R, sinh ngày 06/9/2001, tại: A Giang; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số nhà 322/23/6 Đường AV, Phường F, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Sinh viên Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí Nghĩa và bà Trần Thị Hoa; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

5/ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 12/9/2000, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số nhà 292/2B Đường BS, Phường B, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú Đông và bà PhA Mỹ Kim; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

6/ Trần Huy Q, sinh ngày 09/10 /1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số nhà 106/58C Đường LQ, Phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số nhà 217/49 Đường PĐ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy Cường và bà Nguyễn Thị Phụng; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/01/2015, bị Công an Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần R:

1/ Chị: Bạch Diệu Ái, sinh năm: 1995 – Luật sư của công ty Luật TNHH MTV A Gian, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A Giang. (Có mặt).

2/ Bà: Nguyễn Thị LA Sa, sinh năm: 1972 – Luật sư – Trưởng Văn phòng Luật sư Hoàng Hà Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

(Bị cáo Nguyễn Trần R từ chối luật sư Nguyễn Thị LA Sa là người bào chữa cho bị cáo và chỉ đồng ý để Luật sư Bạch Diệu Ái bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 07 giờ 30 phút, ngày 31/12/2020; tổ công tác của Công an Phường 4, Quận 8 tiến hành kiểm tra hành chính căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8 thì phát hiện tại căn hộ này có 12 đối tượng N, nữ gồm: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trần R, Trần Huy Q, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Tuấn P, Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Nguyễn Ngọc Phương T5, Mai Nguyễn Hữu S.

Quan kiểm tra, tổ công tác phát hiện thu giữ trong túi quần phía sau bên phải của Đặng Ngọc T đang mặc có 01 bóp da màu nâu, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. Đồng thời, T cũng tự lấy từ trong bếp giano nộp cho Công an 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu xAh lá (T, A, N, R, P, Q cùng khai nhận tất cả là ma túy tổng hợp của T, A, N, R, P, Q thỏa thuận hùn tiền mua về cùng sử dụng tại căn hộ của T ở địa chỉ trên).

Tiếp tục kiểm tra, lực lượng Công an còn thu giữ trên bàn trong phòng khách gồm: 03 gói nylon rỗng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn tròn; 01 cái đĩa màu trắng; 01 thẻ nhựa màu đen; 01 cái loa; 01 đèn quany (T khai nhận toàn bộ công cụ này là đồ vật T cung cấp để tổ chức cho mọi người trong nhóm cùng sử dụng ma túy). Ngoài ra, Công an còn thu giữ của T, R, Q, P mỗi người 01 điện thoại di động (đã quan sử dụng); thu giữ của A 01 điện thoại di động (đã quan sử dụng).

Sau đó, Công an thu giữ toàn bộ vật chứng, tiến hành dẫn giải T, A, N, R, P, Q và mời tất cả những người có liên quan về trụ sở Công an Phường 4, Quận 8 để tiếp tục làm rõ.

Tại bản Kết luận giám định số 352, ngày 08/01/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đặng Ngọc T, Nguyễn Trần R, Trần Huy Q, Nguyễn Trung A, Nguyễn Tuấn P, Lê Hoài N và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 bên trong có:

- Tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon (ký hiệu mẫu m1). Tinh thể màu trắng được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4693 gam, loại Ketamine.

- 01 gói nylon chứa:

- + Tinh thể màu trắng được ký hiệu mẫu m2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,8914 gam, loại Ketamine.

- + 03 viên nén màu xAh lá được ký hiệu mẫu m3 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,1699 gam, loại MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Ngọc T khai nhận: Khoảng 20 giờ, ngày 30/12/2020, T cùng với Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Trần Huy Q, Nguyễn Thanh A2 ngồi nhậu ở quán “Ông Tiên” trên đường Đường PH, Quận B. Đến khoảng 00 giờ, ngày 31/12/2020, T, A, N, R, Q nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng, nên cùng nhau thỏa thuận hùn mỗi người 1.000.000 đồng để mua 02 loại ma túy gồm thuốc lắc và Ketamine về sử dụng chung tại căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE, Phường 4, Quận 8 do T thuê. Trong lúc thỏa thuận, do N không có đủ tiền, nên N nhờ A trả trước cho N 1.000.000 đồng, N sẽ trả tiền lại cho A sau thì A đồng ý. Sau khi bàn bạc, cả nhóm thống nhất T là người đại diện ứng tiền ra mua ma túy trước và mọi người sẽ trả lại tiền sau (T2 là con gái nên cả nhóm không yêu cầu T2 hùn tiền mà cho T2 sử dụng miễn phí). Sau đó, T đi đến khu vực gần quán karaoke “Deluxe” trên đường Trần Bình Trọng, Quận 5 gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua 03 gói nylon chứa ma túy tổng hợp “Ketamine” với giá 4.000.000 đồng thì người đàn ông đồng ý bán và nhận tiền rồi bỏ đi. Một lúc sau, người đàn ông trên quany lại đưa cho T 03 gói nylon chứa ma túy tổng hợp “Ketamine”. Sau khi mua được ma túy, T mang về căn hộ số 01 tầng 12A, block A

(phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8 đợi bạn đến sử dụng chung. Khoảng 01 giờ cùng ngày, R, A, N, T2 đến nhà của T chơi. Lúc này, T bỏ ma túy vào 01 đĩa màu trắng để trên bàn trong phòng khách mà T chuẩn bị trước đó và đưa cho A, R, N, T2 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn tròn để A, R, N, T2 cùng nhau sử dụng chung ma túy. Một lúc sau, Q đến nhà T sử dụng ma túy cùng mọi người. Khi đang sử dụng, Q gọi điện thoại liên hệ và rủ P đến nhà T chơi rồi nói hùn số tiền 1.000.000 đồng để mua ma túy thì P đồng ý. Sau đó, Q nói với T là có P quan chơi cùng và P sẽ hùn thêm 1.000.000 đồng để cùng sử dụng ma túy thì T đồng ý. Lần lượt tiếp theo, P, T3, T4, T5, T6, S cùng đến nhà T chơi và sử dụng chung ma túy (những người này không thỏa thuận hùn tiền để mua ma túy). Sau khi sử dụng hết số ma túy, T hỏi mọi người có sử dụng thêm ma túy gồm thuốc lắc và Ketamine thì T đi mua và lúc này A, N, R, Q, P đều đồng ý để T tiếp tục ứng tiền đi mua thêm ma túy, tiền mua ma túy được tính vào số tiền 1.000.000 đồng mà A, N, R, Q, P đã thỏa thuận trước đó. T tiếp tục đến địa điểm trên mua 02 gói nylon gồm 01 gói ma túy là Ketamine, 01 gói là Ketamine và 03 viên thuốc lắc, với giá 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T mang về căn hộ để mọi người sử dụng thì thấy cả nhóm đã ngủ, nên T cất 01 gói ma túy chứa “Ketamine” vào trong ngăn ngoài cùng của bóp da màu nâu để trong túi quần phía sau bên phải của T; còn gói nylon đựng “Ketamine” và 03 viên thuốc lắc T cất trên bếp của căn hộ và đi ngủ.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác của Công an Phường 4, Quận 8 đến kiểm tra hành chính căn hộ và phát hiện thu giữ vật chứng như nêu trên.

Tổng số tiền mà T, A, N, R, Q, P thỏa thuận hùn là 6.000.000 đồng, nhưng số tiền T mua ma túy là 7.000.000 đồng (T bỏ thêm số tiền 1.000.000 đồng để bù cho mọi người). Toàn bộ công cụ gồm: 01 cái đĩa màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn tròn, 01 card nhựa màu đen, 01 cái loa, 01 đèn quany là của T chuẩn bị trước để tổ chức cho mọi người đến sử dụng ma túy chung tại căn hộ do T thuê.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã tiến hành cho các bị cA đối chất với nhau và các bị cA đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra, tại phiên tòa, các bị cáo còn khai nhận:

1. Bị cáo T: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân bị cáo T đã 03 lần sử dụng ma túy tại quán Karaoke (không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm) cùng với nhóm bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ), có hùn tiền 1.000.000 đồng cho mỗi lần sử dụng chung ma túy.

2. Bị cáo N: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân bị cáo N đã từng vài lần sử dụng ma túy miễn phí (không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm) cùng với nhóm bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ).

3. Bị cáo R: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân bị cáo R đã 02 lần sử dụng ma túy miễn phí (không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm) cùng với nhóm bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ).

4. Bị cáo P: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân bị cáo P đã từng vài lần sử dụng ma túy miễn phí tại quán Bar (không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm) cùng với nhóm bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ).

5. Bị cáo Q: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân bị cáo Q đã từng vài lần sử dụng ma túy tại quán Bar (không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm) cùng với nhóm bạn

ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ), Q hùn số tiền 1.000.000 đồng cho mỗi lần sử dụng ma túy chung.

Đối với Nguyễn Thanh A2 khai nhận: Bản thân không có hùn tiền mua ma túy sử dụng chung, T2 được mọi người cho sử dụng ma túy chung. Việc thỏa thuận hùn tiền mua ma túy sử dụng thì T2 không biết rõ, do lúc này T2 đang bận sử dụng điện thoại nên không để ý. Nguồn gốc số ma túy do T đi mua thì T2 không biết mua của ai. T2 không liên quan đến số ma túy mà T mua.

Đối với Nguyễn Ngọc Phương T5, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4 cùng khai nhận: Vào tối ngày 30/12/2020, T3, T6, T4, T5 đang ngồi nhậu tại quán “Ông Tiên” trên đường Đường PH, Quận B thì T3 nhận được điện thoại của Nguyễn Trung A rủ T3 đến nhà của T chơi và nhậu cùng mọi người thì T3 đồng ý. Sau đó, T3 rủ T4, T6, T5 cùng đến nhà T chơi thì T4, T6, T5 đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 45 phút, ngày 31/12/2020, T3, T4, T6, T5 đến nhà T tại địa chỉ căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8 thì thấy T, A, N, Q, R, T2, P đang sử dụng ma túy, nên tất cả cũng cùng vào sử dụng chung. Một lúc sau, Mai Nguyễn Hữu S cũng đến chơi và sử dụng ma túy chung cùng mọi người. Nguồn gốc số ma túy bị Công an thu giữ thì T3, T4, T6, T5 hoàn toàn không biết và cũng không thỏa thuận hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung với mọi người.

Mai Nguyễn Hữu S khai nhận: Khoảng 01 giờ, ngày 31/12/2020, Lê Hoài N gọi điện thoại rủ S đến nhà T chơi thì S đồng ý. Sau khi đến nhà T thì thấy mọi người sử dụng ma túy, nên S cũng sử dụng chung. Nguồn gốc số ma túy bị Công an thu giữ thì S hoàn toàn không biết và cũng không thỏa thuận hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung với mọi người.

Vật chứng liên quan:

- 01 (một) gói niêm phong ghi số 147/2021, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q, hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 và các chữ ký của cán bộ điều tra Nguyễn Huy Long, giám định viên PhA Tấn Quốc;

- 01 cái đĩa màu trắng, 01 card nhựa màu đen, 03 gói nylon rỗng, 01 cái loa, 01 đèn quany, 01 bóp da màu nâu;

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xAh;

- 04 điện thoại di động hiệu “Iphone” màu vàng đồng, không rõ số IMEI.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đặng Ngọc T, do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Ngọc Phương T5, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Mai Nguyễn Hữu S; do không có liên quan vụ án; nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự. Tuy nhiên, các đối tượng này có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và quan test nhậu ma túy, tất cả đều dương tính; nên Cơ quan điều tra bàn giao các đối tượng cho Công an Phường 4, Quận 8 xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8 do ông Dương Nguyễn Duy Phương và vợ là Võ Ngọc Quỳnh Như đứng tên chủ sở hữu. Do ông Phương không đồng ý cho Đặng Ngọc T thuê, nên T nhờ Nguyễn Ngọc Phương T5 đứng ra làm hợp đồng thuê nhà, mỗi tháng T sẽ đưa cho T3 11.000.000 đồng để trả tiền thuê nhà. Sau khi làm hợp đồng thuê nhà, T3 giao lại toàn bộ chìa khóa căn hộ cho T quản lý, sử dụng. Ông Phương và bà Như không biết việc T3 thuê nhà giúp T cũng như việc T sử dụng căn hộ trên để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKSQ8 ngày 10/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Đặng Ngọc T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

1/ Bị cáo Đặng Ngọc T mức án:

- + Từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- + Từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung của 02 tội theo quy định của pháp luật.

- Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

2/ Bị cáo Nguyễn Trung A mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3/ Bị cáo Lê Hoài N mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

4/ Bị cáo Nguyễn Trần R mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

5/ Bị cáo Nguyễn Tuấn P, mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

6/ Bị cáo Trần Huy Q mức án từ 02 năm 03 tháng tù đến 03 năm 03 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Các đồ vật, tài liệu khác không thu hồi được, nên không xem xét xử lý.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi vụ số 147/2021. Bên ngoài có chữ ký ghi tên Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8, các chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn T2 Diễm, cán bộ điều tra Nguyễn Huy Long (vì quan giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, lưu hành); 01 cái đĩa màu trắng; 01 card nhựa màu đen; 03 gói nylon rỗng; 01 bóp da màu nâu (vì đây là những dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng).

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 20.000 đồng, 01 đèn quany, 01 cái loa và 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q và bị cáo P (02 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, không rõ số IMEI (vì dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung A 01 điện thoại di động màu xAh, hiệu NOKIA. (Do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo).

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Ngọc T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, không rõ số IMEI. (Do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần R 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, không rõ số IMEI. (Do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo).

* Các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q không có ý kiến trAh luận và tự không bào chữa, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần R:

Người bào chữa thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Trần R (về tội dAh, điều luật, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, người bào chữa cũng thống nhất với quan điểm buộc tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Trần R về xử lý vật chứng. Ngoài ra, người bào chữa còn phân tích thêm về hoàn cảnh gia đình, về nhân thân của bị cáo, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo Nguyễn Trần R.

Từ đó, người bào chữa đề nghị đại diện Viện Kiểm sát và Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Nguyễn Trần R mức án thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là 01 (một) năm tù và cho bị cáo R được hưởng Điều 65 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo R án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; quan đó nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập và đi làm thêm phụ giúp gia đình.

* Bị cáo Nguyễn Trần R thống nhất với ý kiến, quan điểm điểm bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến trAh luận, không bào chữa bổ sung; bị cáo chỉ xin được hưởng án treo để có điều kiện tiếp tục học tập và đi làm thêm phụ giúp gia đình.

* Kiểm sát viên phát biểu đối đáp, trAh luận: Quan nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án và quan xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát đã đánh giá toàn diện vụ án một cách khách quan, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu không được cơ quan Công an phát hiện kịp thời thì bị cáo có khả năng sẽ tiếp tục phạm tội, vì quan lời khai của bị cáo thì bị cáo cũng đã từng nhiều lần sử dụng trái phép chất ma

túy cùng nhóm bạn tại những địa điểm khác nhau. Bị cáo là sinh viên, mà không chịu học hành nghiêm túc, lại tụ tập bạn bè ăn nhậu và hùn tiền mua ma túy sử dụng chung. Do đó, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và giữ nguyên mức án đề nghị đối với bị cáo R, không chấp nhận ý kiến của luật sư và của bị cáo R về việc đề nghị xử phạt bị cáo R 01 năm tù, cho hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần R cùng bị cáo Nguyễn Trần R vẫn bảo lưu ý kiến trình bày luận, bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên; người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến, không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội (các bị cáo đã cùng nhau hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung và khối lượng chất ma túy còn lại bị cơ quan Công an thu giữ)) mà các bị cáo đã thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị lực lượng Công an kịp thời phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng, vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 31/12/2020, tại căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bị cáo Đặng Ngọc T còn khai nhận việc bị cáo đã lấy địa điểm nơi ở của mình quản lý (căn hộ nêu trên) để tổ chức cho các bị cáo: Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và các đối tượng khác (gồm: Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Nguyễn Ngọc Phương T5, Mai Nguyễn Hữu S) sử dụng trái phép chất ma túy cùng bị cáo (bị cáo T là người trực tiếp đi mua và cung cấp ma túy, các dụng cụ cần thiết cho việc sử dụng ma túy).

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quan giám định, chất ma túy thu giữ đủ khối lượng để truy tố đối với từng hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (thuộc trường hợp có 02 (hai) chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này); tội

phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Đặng Ngọc T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt:

- Đối với vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Bị cáo Đặng Ngọc T thừa nhận đã tổ chức cho các bị cáo: Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và các đối tượng khác (gồm: Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Nguyễn Ngọc Phương T5, Mai Nguyễn Hữu S) sử dụng trái phép chất ma túy cùng với bị cáo tại căn hộ bị mà bị cáo thuê ở (căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8) và các bị cáo Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và các đối tượng khác (gồm: Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Nguyễn Ngọc Phương T5, Mai Nguyễn Hữu S) cũng thừa nhận lời khai của bị cáo T.

Do đó, bị cáo Đặng Ngọc T đã phạm tội thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo T phải bị xét xử theo quy định tại tình tiết này.

[4] Về tính đồng phạm:

- Đối với vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Bị cáo Đặng Ngọc T là người chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” mà bị cáo đã thực hiện.

- Đối với vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Bị cáo Đặng Ngọc T và các bị cáo Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo T là người bỏ ra số tiền nhiều hơn các bị cáo khác để cùng hùn tiền mua ma túy về cùng sử dụng chung, là người trực tiếp đi mua ma túy; nên vai trò của bị cáo T có phần nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác trong vụ án. Đối với các bị cáo khác còn lại trong vụ án này đều có vai trò tương đối ngang nhau.

[5] Trong lần xét xử này, bị cáo Đặng Ngọc T phải bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với từng hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Tất cả các bị cáo trong vụ án này đều có quá trình nhân thân tốt (trừ bị cáo Trần Huy Q đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nhưng không chịu sửa chữa lỗi lầm, không chịu tu dưỡng và phấn đấu thành công dân sống có ích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật). Do đó, Hội đồng xét xử cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[7] Xét, mặc dù tại phiên tòa các bị cáo khai nhận trước khi bị phát hiện bắt quả tang, bản thân các bị cáo cũng đã từng vài lần hùn tiền mua ma túy sử dụng chung cùng nhóm bạn (nhưng không nhớ cụ thể địa điểm và thời gian); đồng thời, không thu giữ được chất ma túy để giám định; nên không có cơ sở xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần hoặc trường hợp về khối lượng và số lượng chất ma túy theo quy định của bộ luật hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Trần R: Mặc dù, bản thân bị cáo đang là sinh viên, nhưng không chịu tập trung học tập cho tốt, mà lại tụ tập bạn bè cùng ăn nhậu và sử dụng trái phép chất ma túy; quá trình điều tra xác định bị cáo không cư trú ổn định tại địa phương; bản thân bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý cùng các bị cáo khác hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung {số tiền hùn của bị cáo là 1.000.000 đồng, ngAg bằng với các bị cáo khác (trừ bị cáo T), đây là số tiền bằng thu nhập bình quân của một lao động phổ T3 trong khoảng 07 ngày); bản thân bị cáo khai nhận có đi làm thêm và thu nhập khoảng gần 6.000.000 đồng mỗi tháng, bị cáo Rch ra gửi về quê cho gian đình từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng mỗi tháng; như vậy để có được thu nhập 1.000.000 đồng thì bị cáo phải làm thêm trong khoảng 05 (năm) ngày. Quan đó, thể hiện sự quyết liệt của bị cáo về việc sử dụng chất ma túy; thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc như các bị cáo khác trong vụ án, cần cách ly bị cáo cũng như các bị cáo khác ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phát huy tác dụng của hình phạt đối bị cáo và các bị cáo khác; cũng như nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[10] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Quan điểm trAh luận, bào chữa của bào chữa cùng với ý kiến của bị cáo Nguyễn Trần R về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo R mức án 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; để tạo điều kiện cho bị cáo R được tiếp tục học tập và đi làm thêm kiếm tiền phụ giúp gian đình: Xét quan điểm trAh luận, bào chữa, ý kiến của người bào chữa cùng với ý kiến của bị cáo Nguyễn Trần R là không có cơ sở pháp luật để được Hội đồng xét xử chấp nhận, như Hội đồng xét xử đã phân tích như trên.

[12] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,

phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy bị cáo T phạm tội không nhằm mục đích hưởng lợi, nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q cùng tàng trữ trái phép chất ma túy chỉ để sử dụng mà không nhằm mục đích hưởng lợi bất chính; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng liên quan:

- Các chiếc xe gắn máy dùng làm phương tiện di chuyển, không thu hồi được; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số 147/2021. Bên ngoài có chữ ký ghi tên Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8, các chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn T2 Điền, cán bộ điều tra Nguyễn Huy Long: Quan giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành; nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 cái đĩa màu trắng, 01 card nhựa màu đen, 03 gói nylon rỗng, 01 bóp da màu nâu: Là các dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 20.000 đồng: Là tiền dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng; nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 đèn quany, 01 cái loa: Là các dụng cụ dùng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng, nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q và bị cáo P (02 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI): Các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội, có giá trị sử dụng; nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động màu xAh, hiệu NOKIA: Là tài sản của bị cáo Nguyễn Trung A, do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo; nên trả lại cho bị cáo A.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI: Là tài sản của bị cáo Đặng Ngọc T, do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo; nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI: Là tài sản của bị cáo Nguyễn Trần R, do không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo; nên trả lại cho bị cáo R.

[14] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Đặng Ngọc T, do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với Nguyễn Thanh A2, Nguyễn Ngọc Phương T5, Nguyễn Thị Diễm T2, Nguyễn T2 T3, Nguyễn Thị Bích T4, Mai Nguyễn Hữu S; do không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự. Tuy nhiên, các đối tượng này có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và quan test nhAh ma túy, tất cả đều dương tính; nên Cơ quan điều tra bàn giao các đối tượng cho Công an Phường 4, Quận 8 xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với chủ căn hộ số 01 tầng 12A, block A (phoenix 1), chung cư TE Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; do không liên quan đến vụ án; nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm i Khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

1/ Bị cáo Đặng Ngọc T:

+ 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt tù chung của 02 (Hai) tội dAh mà bị cáo Đặng Ngọc T phải chấp hành là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Không phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Ngọc T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

2/ Bị cáo Nguyễn Trung A 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

3/ Bị cáo Lê Hoài N 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

4/ Bị cáo Nguyễn Trần R 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

5/ Bị cáo Nguyễn Tuấn P 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

6/ Bị cáo Trần Huy Q 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/12/2020.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) gói niêm phong ghi vụ số 147/2021. Bên ngoài có chữ ký ghi tên Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8, các chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn T2 Diễm, cán bộ điều tra Nguyễn Huy Long; 01 (Một) cái đĩa màu trắng, 01 (Một) card nhựa màu đen, 03 (Ba) gói nylon rỗng, 01 (Một) bốp da màu nâu.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Số tiền 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng), 01 (Một) đèn quany, 01 (Một) cái loa, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI (thu giữ của bị cáo Trần Huy Q) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI (thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn P).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung A 01 (Một) điện thoại di động màu xAh, hiệu NOKIA.

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Ngọc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần R 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng đồng, không rõ số IMEI.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 20/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, TP.HCM).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Đặng Ngọc T, Nguyễn Trung A, Lê Hoài N, Nguyễn Trần R, Nguyễn Tuấn P, Trần Huy Q; mỗi bị cáo phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAD TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc